



SUPERCRETE W200

I. GIỚI THIỆU

SUPERCRETE W200 là sản phẩm sơn sàn nhựa polyurethane, bao gồm ba thành phần được đóng gói sẵn theo khối lượng mặc định để dễ dàng trộn và sử dụng tại chỗ. Hệ thống đóng rắn tạo thành một bề mặt sàn chắc chắn, độ dày lớp sơn từ 4mm đến 7mm.

II. ÁP DỤNG

- Sàn nhà máy
- Sàn nhà xưởng chế biến thực phẩm
- Sàn nhà kho
- Sàn nhà máy công nghiệp nặng
- Sàn bãi đậu xe (trong nhà)
- Sàn nhà máy sản xuất dược phẩm

III. ĐẶC ĐIỂM

- Thi công: chỉ được thi công bởi đội ngũ đã được đào tạo, kinh nghiệm.
- Màu sắc: Xanh lá, Xám, Nâu, Vàng
- Hàm lượng chất rắn (Volume Solid): tối thiểu 99%
- Độ dày đề xuất (D.F.T): 4 ~ 7mm
- Độ phủ lý thuyết: 7.6kg/m²(4mm)
- Tỷ lệ trộn (khối lượng) – Part A : Part B : Part C = 3kg : 3kg : 14kg
- Thời gian khô (25°C) – sau 18 giờ có thể đi lại, 48 giờ có thể sử dụng phương tiện di chuyển.
- Vòng đời sau trộn (25°C) – 12 ~ 15 phút
- Thời gian sơn lớp kế tiếp:
 - (30°C) – Sau 12 giờ ~ 2 ngày
 - (20°C) – Sau 18 giờ ~ 3 ngày
 - (10°C) – Sau 24 giờ ~ 5 ngày

Lưu ý: thời gian thay đổi tùy thuộc vào nhiệt độ

- Hạn sử dụng: 6 tháng (lưu trữ trong nhà ở nhiệt độ 5~35°C)



IV. CHUẨN BỊ BỀ MẶT

- 1) Tại thời điểm thi công SUPERCRETE W200, bê tông nền phải có cường độ tối thiểu 1,5 MPa, có tuổi thọ hơn 28 ngày và bề mặt phải khô ráo hoàn toàn.
- 2) Vữa trên bề mặt phải được loại bỏ bằng các thiết bị phù hợp như: máy thổi cát, máy mài sàn bê tông, máy mài đĩa kim cương...
- 3) Chuẩn bị bề mặt cơ học tiêu chuẩn bằng các tác động cơ học cho cả sàn bê tông cũ và mới. Bề mặt sàn phải đạt tiêu chuẩn CSP 4 của Viện Sửa chữa Bê tông Quốc tế (ICRI - International Concrete Repair Institute)
- 4) Đảm bảo bề mặt sàn phải sạch, không có bụi, dầu, mỡ, cát, sỏi và các vật liệu khác.
- 5) Trên bề mặt sàn bê tông, phải tạo các rãnh/khe (sâu 1cm) cách tất cả các cạnh và khớp bê tông của sàn bê tông 75mm. Các khe/rãnh này có thể được tạo từ ban đầu trước khi đúc bê tông hoặc có thể dùng máy cắt tạo rãnh/khe trên bề mặt bê tông đã hoàn thiện. Các cạnh bao gồm cạnh tường, cạnh chu vi, ngưỡng cửa... Các khớp nối bê tông bao gồm đế cột bê tông, cột thép, mép kênh thoát nước, bê đứng máy móc hoặc bất kỳ mối nối xây dựng nào trên nền bê tông.
- 6) Phải tạo các rãnh/khe ở cả hai bên của mối nối của sàn SUPERCRETE W200. (Các mối nối ở đây bao gồm ngưỡng cửa, hoặc bất cứ điểm giao giữa 2 lần thi công khác nhau)
- 7) Tại các mối nối của sàn SUPERCRETE W200, phải tạo các rãnh/khe bao quanh mối nối nhằm tăng sự bảo vệ mối nối tránh bong tróc do tác động cơ học và ngăn chặn sự xâm nhập của chất lỏng dưới sàn vào lớp SUPERCRETE W200 đã thi công trước đó.

V. QUY TRÌNH THI CÔNG

1. Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ không khí: 5 ~ 30°C (Nhiệt độ lý tưởng từ 12°C đến 25°C)
- Nhiệt độ bề mặt: 5 ~ 30°C
- Độ ẩm không khí: up to 80%
- Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn nhiệt độ điểm sương ít nhất 3°C để ngăn ngừa đọng nước.
- Độ ẩm bề mặt: thấp hơn 6%

2. Thiết bị/ dụng cụ thi công:

Bay, cào, lăn gai (để loại bỏ bong bóng)

3. Thi công:

a) Lưu trữ

- Vật liệu cần được bảo quản dưới mái che, tránh ánh nắng trực tiếp. Phần 3 phải được lưu trữ nơi khô ráo và nên giữ cách mặt sàn để tránh ẩm ướt. Phần 1 và Phần 2 phải được bảo vệ khỏi nhiệt độ quá cao (Nhiệt độ lưu trữ lý tưởng: 15°C to 25°C)

**b) Lớp đầu tiên (Lớp sơn lót)**

- Thi công 1 lớp sơn lót dày 1mm để đảm bảo bao phủ toàn bộ toàn bộ bề mặt sàn, giảm sự hấp thụ nhựa vào bề mặt bê tông và để thi công lớp tiếp theo. Lớp sơn lót này ngăn sự tạo khí/ bong bóng trên bề mặt hoàn thiện.
- Trộn phần 1 và phần 2 với nhau, dùng máy trộn tốc độ chậm để khuấy hỗn hợp trong 1 phút, sau đó đổ từ từ phần 3 vào trong khi tiếp tục trộn trong vòng 3-4 phút.
- KHÔNG được trộn cả ba thành phần cùng một lúc. Sau khi trộn, phải xả vật liệu đã trộn trên bề mặt và thi công càng nhanh càng tốt.
- Đổ toàn bộ hỗn hợp SUPERCREE W200 đã trộn trên xuống sàn ngay sau khi trộn và rải bằng bay thép đến độ dày chính xác bằng thước đo WFT thích hợp với tỷ lệ phủ như sau 1mm: Khoảng 2,0 kg / m²
- Tất cả các rãnh được cắt trên bê tông phải được lấp đầy bằng Lớp sơn lót này để đảm bảo lớp sơn hoàn thiện không bị khuyết tật bề mặt.
- Lớp sơn lót phải được để trong tối thiểu 18 giờ và kiểm tra xem có lỗ kim hoặc vết xước nào không và cần thực hiện các biện pháp khắc phục để đảm bảo bề mặt được bịt kín hoàn toàn.
- Nên để lớp sơn lót hơn 48 giờ trước khi thi công lớp thứ hai. Cần chuẩn bị bề mặt cơ học để tạo ra bề mặt thích hợp cho việc thi công lớp thứ hai.

3) Lớp sơn thứ hai

- Các bước chuẩn bị và trộn vật liệu tương tự như lớp sơn đầu tiên
- Sử dụng con lăn gai để lăn đều trên bề mặt hỗn hợp SUPERCREE W200 được đổ ra sàn. Con lăn gai có tác dụng phá vỡ các bong bóng khí, rải đều hỗn hợp và tạo một bề mặt nhựa phẳng.
- Để đảm bảo lớp phủ đều và phẳng, KHÔNG ĐƯỢC sử dụng bay và con lăn sau khi trộn hỗn hợp được trộn hơn 10 phút.
- Sau khi thi công và bề mặt được đóng rắn, dùng máy cắt để chuẩn bị các mép nối trên bề mặt SUPERCREE W200.
- CẤM đi lại, lưu thông máy móc trên nền sàn SUPERCREE W200 vừa mới thi công trong vòng 18 giờ ở nhiệt độ 25°C; nếu nhiệt độ môi trường thấp hơn, cần nhiều thời gian hơn để mặt sàn khô.

4. Biện pháp phòng ngừa an toàn

- Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt; tránh hít thở lâu hơi nhựa của hỗn hợp sơn.
- Giữ thông gió đầy đủ trong quá trình thi công
- Sử dụng sơn đã trộn trong vòng đời sau khi trộn (25 °C, 12 ~ 15 phút)
- Không trộn với các sản phẩm sơn khác.
- Nên chuẩn bị bề mặt sàn cơ học trước khi thi công, nên sử dụng con lăn có gai.

5. Cảnh báo: Vui lòng tham khảo thông báo cảnh báo kèm theo.



6. Dữ liệu Kiểm nghiệm

PROPERTY	UNIT	RESULTS	TEST METHODS
Flexural strength	N/mm ²	25.1	KS F 4041
Compressive strength	N/mm ²	53.3	KS F 4041
Adhesion	N/mm ²	2.2	KS F 4041
(100% concrete failure)			
Hardness (D type)	-	84	ISO 868
Abrasion resistance (CS-17, 1000g, 1000cycles)	mg	45	ASTM D 4060
Abrasion resistance (H-22, 1000g, 1000cycles)	mg	1097	ASTM D 4060

7. Kháng hóa chất

Biểu đồ sau đây là kết quả của Supercrete W200 ngâm trong hóa chất và được thử nghiệm theo ISO 2812-1. Đối với dung dịch ngâm trong 7 ngày ở nhiệt độ phòng.

Chemicals	농도(%)	Temp.(°C)	Resistance
Acetaldehyde	99.5%	20±3	RC
Acetic acid	99.0%	20±3	RC
Acidity detergent	-	20±3	R
Air fuel	-	20±3	R
Alkali detergent	-	20±3	R
Aluminum sulfate	50.0%	20±3	R
Ammonium hydroxide	28.0%	20±3	R
Ammonium nitrate	50.0%	20±3	R
Ammonium sulfate	50.0%	20±3	R
Amyl acetate	98.0%	20±3	R
Aniline	99.0%	20±3	R
Animal Fat	-	20±3	R
Boric acid solution	Saturation	20±3	R
Break liquid	-	20±3	NR
Butanol	99.0%	20±3	R
Calcium hypochlorite	Saturation	20±3	R
Calcium chloride	50.0%	20±3	R
Calcium hydroxide solution	Saturation	20±3	R
Caprolactam	50.0%	20±3	R
Carbon bisulfide	98.0%	20±3	R
Carbon tetrachloride	99.7%	20±3	R

CÔNG TY TNHH SAMHWA-VH

Lô B-13, Đường D2, Khu Công nghiệp Long Đức, Xã An Phước, Huyện Long
Thành, tỉnh Đồng Nai

Tel.: +84 251 368 1472-3 Fax: +84 251 368 1474



Chemicals	농도(%)	Temp.(°C)	Resistance
Castor oil	99.0%	20±3	R
Chlorine water	Saturation	20±3	R
Chloroacetic acid	10.0%	20±3	R
Chromic acid	20.0%	20±3	RC
Chloroform	99.5%	20±3	R
Citric acid	60.0%	20±3	R
Cresol	98.0%	20±3	NR
Cyclohexane	99.0%	20±3	R
Denatured alcohol	95.0%	20±3	R
Diethylene glycol	99.0%	20±3	R
Engine oil(car)	-	20±3	R
Ethanol	-	20±3	R
Ethylene glycol	99.5%	20±3	R
Ethylene glycol acetate	97.0%	20±3	R
Formalin	40.0%	20±3	R
Formic acid	-	20±3	R
Fumaric acid	Saturation	20±3	R
Gallic acid	Saturation	20±3	R
Gasoline	-	20±3	R
Glycolic acid	70.0%	20±3	R
Hydrochloric acid	37.0%	20±3	RC
Hydrochloric acid	10.0%	20±3	R
Hydrogen peroxide	30.0%	20±3	R
Kerosene	-	20±3	R
Lactic acid	85.0%	20±3	R
Lauric acid	Saturation	20±3	R
Magnesium nitrate	50.0%	20±3	R
Maleic acid	Saturation	20±3	R
Malic acid	50.0%	20±3	R
Methacrylic acid	99.5%	20±3	R
Methanol	-	20±3	R
Methylene chloride	95.0%	20±3	R
Methyl ethyl ketone	99.0%	20±3	R
Methyl methacrylate	99.8%	20±3	R
Milk	-	20±3	R
Mineral oil	-	20±3	R
Monochlorobenzene	99.5%	20±3	R

CÔNG TY TNHH SAMHWA-VH

Lô B-13, Đường D2, Khu Công nghiệp Long Đức, Xã An Phước, Huyện Long
Thành, tỉnh Đồng Nai

Tel.: +84 251 368 1472-3 Fax: +84 251 368 1474



Chemicals	농도(%)	Temp.(°C)	Resistance
N-hexane	95.0%	20±3	R
Nitric acid	65.0%	20±3	NR
Oleic acid	-	20±3	R
Oxalic acid	5.0%	20±3	R
Paraffin	-	20±3	R
Picric acid	Saturation	20±3	R
Phenol	5.0%	20±3	NR
Phosphoric acid	85.0%	20±3	R
Potassium dichromate	Saturation	20±3	R
Potassium hydroxide	Saturation	20±3	R
Potassium hydroxide	50.0%	20±3	R
Propylene glycol	99.0%	20±3	R
Salicylic acid solution	Saturation	20±3	NR
Sodium chlorate	Saturation	20±3	R
Sodium bicarbonate chloric acid	Saturation	20±3	R
Sodium hydroxide	50.0%	20±3	R
Sodium hypochlorite	10.0%	20±3	RC
Sodium hypochlorite	15.0%	20±3	RC
Stannic acid	Saturation	20±3	R
Stearic acid	-	20±3	R
Styrene	99.0%	20±3	R
Sugar solution	Saturation	20±3	R
Sulfuric acid	98.0%	20±3	NR
Tar oil	-	20±3	R
Tetrahydrofuran	99.5%	20±3	R
Toluene	99.5%	20±3	R
Trichlorobenzen	99.0%	20±3	R
Turpentine oil	-	20±3	R
Vegetable oil	-	20±3	R
White oil	-	20±3	R

R- Resistant – Kháng hóa chất

**RC- Kháng hóa chất trong thời gian ngắn, bề mặt thay đổi nhẹ, biến màu
mà không mất độ cứng**

NR- Không kháng hóa chất

**8. Kiểm nghiệm kháng nấm mốc****1) Phương pháp: ASTM G21****2) Test strain (mix)**

- Aspergillus niger (ATCC 9642)
- Penicillium pinophilum (ATCC 11797)
- Chaetomium globosum (ATCC 6205)
- Glicocladium virens (ATCC 9645)
- Aureobasidium pullulans (ATCC 15233)

3) Kết quả dự đoán

Tăng trưởng quan sát được trên mẫu vật	Đánh giá
None	0
Traces of Growth (<10%)	1
Light Growth (10~30%)	2
Medium Growth (30~60%)	3
Heavy Growth (60~complete coverage)	4

4) Kết quả kiểm nghiệm

	7 ngày	14 ngày	21 ngày	28 ngày
Mẫu 1	0	0	0	0
Mẫu 2	0	0	0	0
Mẫu 3	0	0	0	0
Trung bình	0	0	0	0